

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HS-ST
Ngày 19 – 12 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Sơn - Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Cán bộ hưu trí huyện Tam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Thạch Ngọc B, sinh ngày 28/11/2005 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: không có nơi thường trú; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Ngọc T và bà Mai Thị Thúy H.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 22/9/2022 và bị tạm giữ, tạm giam đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Thạch Ngọc B: Bà Mai Thị Thúy H, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Thạch Ngọc B: Ông Bùi Minh T1 là Trợ

giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 02/6/2005; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm A, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1979; (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2/ Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- *Người làm chứng*:

1/ Anh Võ Nguyễn Cao T2, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2/ Anh Võ Văn Trường A, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

3/ Chị Thạch Ngọc T3, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ H, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc H1 và bị cáo Thạch Ngọc B là đôi tượng sống lang thang quen biết nhau trên mạng xã hội Facebook và ứng dụng kết bạn Litmatch.

Ngày 20/9/2022, B nhắn tin muốn đến nhà H1 chơi thì H1 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B đi xe buýt đến thị trấn T, tỉnh Vĩnh Long gặp H1. Do mẹ của H1 là bà Nguyễn Thị Hồng N không đồng ý để B ở lại nhà qua đêm nên H1 mượn xe mô tô biển số 66K5-4707 của bà N để cho B chở H1 đến nhà T thuộc ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (do ông Võ Nguyễn Cao T2 quản lý) để ngủ qua đêm.

Đến khoảng 06 giờ ngày 21/9/2022 trong lúc H1 vào nhà vệ sinh, B đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02S và 01 xe mô tô biển số 66K5-4707 của H1. Sau khi lấy trộm được tài sản, B bán điện thoại di động S A02S cho anh Trần Hoàng P với số tiền 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) và điều khiển xe mô tô biển số 66K5-4707 đến xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì bị Công an xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre mời về trụ sở làm việc và thu giữ tang vật. Hân trình báo sự việc đến Công an xã N

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu S A02S;
- 01 (Một) xe mô tô biển số 66K5-4707;
- Tiền Việt Nam: 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 26/KL.DGTS ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển số 66K5-4707 đã qua sử dụng trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S đã qua sử dụng trị giá 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản định giá là: 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, Thạch Ngọc B còn khai nhận đã thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản khác tại các địa phương khác như: thành phố B - tỉnh Đồng Nai, huyện B - tỉnh Long An, huyện C, tỉnh An Giang, Quận A và thành phố T - thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có công văn gửi đến các Cơ quan Cảnh sát điều tra các địa phương trên để phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Đối với anh Trần Hoàng P khi mua điện thoại di động do Thạch Ngọc B bán, anh P không biết đây là tài sản do B trộm cắp mà có nên không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Xử lý vật chứng: Ngày 24/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 30, trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N 01 (Một) xe mô tô biển số 66K5-4707; trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc H1 01 (Một) điện thoại di động hiệu S; trả lại cho Trần Hoàng P số tiền: 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Anh Trần Hoàng P đã nhận lại số tiền: 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) và không yêu cầu Thạch Ngọc B phải bồi thường đối với số tiền còn lại.

Tại Cáo trạng số: 53/CT-VKSTB ngày 07/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Thạch Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Thạch Ngọc B thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan. Phía chị H1, bà N yêu cầu xét xử áp dụng hình phạt nặng đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Thạch Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Thạch Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Thạch Ngọc B mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Anh Trần Hoàng P đã nhận lại số tiền: 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) và không yêu cầu Thạch Ngọc B phải bồi thường đối với số tiền còn lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Bùi Minh T1 bào chữa cho bị cáo Thạch Ngọc B trình bày quan điểm bảo vệ: Thống nhất tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên cần xem xét các tình tiết: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhất thời phạm tội; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên phần nào ảnh hưởng đến việc nhận thức pháp luật; bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; chưa tiền án, tiền sự; bị hại đã nhận lại xong tài sản. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 06 (Sáu) tháng tù cũng đủ răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và cũng thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin lỗi bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 06 giờ ngày 21/9/2022, tại nhà T thuộc ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo Thạch Ngọc B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (Một) xe mô tô biển số 66K5 - 4707 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu S A02S với tổng trị giá tài sản là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) của bị hại Nguyễn Thị Ngọc H1.

Hành vi của bị cáo Thạch Ngọc B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, giúp bị cáo ăn năn hối lỗi hành vi phạm tội của mình, trở thành người có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên cần áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xem xét mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Anh Trần Hoàng P đã nhận lại số tiền: 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) và

không yêu cầu Thạch Ngọc B phải bồi thường đối với số tiền còn lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là chưa có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo B phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thạch Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Thạch Ngọc B 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Ông Trần Hoàng P đã nhận lại số tiền: 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) và không yêu cầu Thạch Ngọc B phải bồi thường đối với số tiền còn lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thạch Ngọc B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo